

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HSPT
Ngày 13 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Ông Bùi Anh Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lâm Thị Hiền, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Triệu Ngọc Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2017/HSPT ngày 23 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Võ Minh T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị cáo có kháng cáo: Võ Minh T, sinh năm 1985, tại Bạc Liêu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; cha là Võ Minh T, sinh năm 1964 và mẹ là Võ Thị T, sinh năm 1964; có vợ tên Võ Thanh X, sinh năm 1985 và có 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo tại ngoại điều tra, (có mặt).

Người bị hại không kháng cáo:

1/ Ông Ngô Sĩ H, sinh năm 1995. Trú tại: Ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

2/ Ông Trần Văn T, sinh năm 1961. Trú tại: Ấp M, xã P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 và ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1965. Cùng trú tại: Ấp T, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8 năm 2016, ông Ngô Sĩ H quen với bị cáo Võ Minh T (quen trong lúc ông H đang giữ bò trên tuyến Quản lộ P), bị cáo Võ Minh T

giới thiệu là cán bộ của Ngân hàng Vietinbank chi nhánh huyện H, tỉnh Bạc Liêu, bị cáo nói với ông H, Ngân hàng hiện đang có gói vay vốn tín chấp không lãi suất đến năm thứ tư mới tính lãi và lãi suất thấp nên ông H nhờ bị cáo làm hồ sơ vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu), bị cáo yêu cầu ông H đưa sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, giấy xuất ngũ đều là bản phô tô. Sau đó bị cáo yêu cầu ông H đưa số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu), để làm hồ sơ vay vốn, đi ăn uống với lãnh đạo Ngân hàng để hồ sơ được ký duyệt nhanh, ông H tin tưởng đưa cho bị cáo T 5.000.000 đồng (năm triệu) tại quán nước Huỳnh Văn H tại ấp N, xã Q (không nhớ rõ ngày nào của tháng 8 năm 2016) việc giao nhận tiền không có biên nhận. Trong thời gian chờ làm hồ sơ, bị cáo nói với ông H có người quen cần vay vốn thì giới thiệu cho bị cáo nên ông H giới thiệu bà Nguyễn Thị L (ông H kêu bà L bằng bác sui) với bị cáo, khi gặp bà L, bị cáo cũng giới thiệu là cán bộ của Ngân hàng Vietinbank chi nhánh huyện H, có gói vay vốn tín chấp ba năm đầu không tính lãi đến năm thứ tư mới tính lãi nhưng lãi suất thấp, nghe bị cáo nói vậy bà L và chồng là ông Nguyễn Thanh H tin tưởng và yêu cầu bị cáo làm hồ sơ vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu), bị cáo nói phải đưa trước cho bị cáo số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu) để làm hồ sơ dễ dàng, bà L nhờ ông H đưa cho bị cáo số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu) tại nhà của của bị cáo tại ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu. Sau đó khoảng hai, ba ngày sau, bị cáo tiếp tục yêu cầu bà L phải đưa thêm số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu), để làm sổ tiết kiệm để khi vay tiền nhưng bà L không có tiền đưa đủ mà chỉ đưa 15.000.000 đồng (mười lăm triệu) cho bị cáo hai lần, trong đó: Lần đầu bà L đưa số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu); lần thứ hai số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu), việc giao nhận tiền giữa bà L với bị cáo cũng không có biên nhận, địa điểm là quán nước ông Nguyễn Văn H thuộc ấp C, xã Q gần dốc cầu 3000.

Ngoài ra, cũng với thủ đoạn làm quen với người bị hại và giới thiệu mình là cán bộ của Ngân hàng Vietinbank chi nhánh huyện H, tỉnh Bạc Liêu đang có gói vay tín chấp không lãi suất đến năm thứ tư mới tính lãi và lãi suất thấp nên Trần Văn T nhờ bị cáo làm hồ sơ vay với số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu), ông T phải đưa cho bị cáo số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu) để lo việc làm hồ sơ. Do tin tưởng bị cáo nên Trần Văn T đưa số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu) cho bị cáo tại quán nước Y của ông Huỳnh Chí N thuộc ấp H, xã Q vào tháng 8 năm 2016, không nhớ ngày, không có biên nhận nhưng có sự chứng kiến của ông Lê Thanh H (anh vợ ông T).

Trong quá trình điều tra, gia đình bị hại nộp khắc phục một phần hậu quả với số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu), trong đó: Ông Ngô Sỹ H nhận 3.000.000 đồng (ba triệu), bà Nguyễn Thị L nhận 10.000.000 đồng (mười triệu), ông Trần Văn T nhận số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Tuyên bố bị

cáo Võ Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Minh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 24/7/2017, bị cáo kháng cáo yêu cầu xin giảm án và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo rút lại kháng cáo xin hưởng án treo, chỉ kháng cáo xin giảm án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Bị cáo có hành vi đưa ra thông tin không đúng sự thật để chiếm đoạt tiền của ba người bị hại là 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu) nên Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp chứng cứ nào mới để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định án sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội lừa đảo là không oan vì bị cáo có chiếm đoạt của người bị hại là 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu). Bị cáo yêu cầu giảm án vì bị cáo là lao động chính, gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế, có khắc phục hậu quả cho người bị hại.

Những người bị hại gồm ông Trần Văn T, Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt và nếu bị cáo trả tiền thì yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm án theo đơn kháng cáo của bị cáo.

Lời khai nhận của bị cáo và những người bị hại tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu có lưu trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Vì động cơ vụ lợi và sự thiếu hiểu biết của người bị hại, bị cáo Võ Minh T có hành vi dùng lời nói gian dối là cán bộ Ngân hàng, có thể làm hồ sơ vay vốn nhanh với lãi suất thấp đã chiếm đoạt của ông Ngô Sỹ H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu); bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thanh H số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu); ông Trần Văn T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu). Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu) nên Bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự xử

phạt bị cáo tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tổ chức đặc biệt là các tổ chức tín dụng tại địa phương nên cần xử lý nghiêm. Khi quyết định hình phạt cho bị cáo, án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như có khắc phục một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không cung cấp được căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với án sơ thẩm. Tại phiên tòa, những người bị hại có yêu cầu giảm án cho bị cáo nếu bị cáo khắc phục tiền, Hội đồng xét xử có xem xét, nhưng xét thấy hình phạt 02 năm tù như án sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù H, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo mà chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí.

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm, trách nhiệm dân sự không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Minh T và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo Võ Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Minh T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm, trách nhiệm dân sự không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Võ Minh T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (02b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh (01b);
- VKSND huyện H (01b);
- TAND huyện H (02b);
- CQĐT huyện H (01b) ;
- Chi cục THA huyện H (để thi hành) (01b);
- Bị cáo (01b);
- Bị hại (04b);
- Lưu HS, THS, VP. (04b)

(Đã ký)

Cao Văn Tám